TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2019/HS-ST
Ngày 21-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thiệm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Nguyễn Xuân Long

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Mai Phương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huệ - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 265/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị S (tức Nguyễn Thị X), sinh ngày 02 tháng 4 năm 1966 tại Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn ĐH, xã HL, huyện TH, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Lê Thị M; có chồng là Bùi Hữu T1 và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 01/12/2018 đến ngày 07/12/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người làm chứng: Anh Phạm Quang T, Chị Nguyễn Thị L, Anh Bùi Hữu T1, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ ngày 24/6/1994, Phòng Cảnh sát kinh tế Công an thành phố Hải Phòng kiểm tra tại trạm QT, huyện AH, thành phố Hải Phòng phát hiện bắt quả tang Phạm Quang T, sinh năm 1963 và vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1967 (cùng

trú tại: Số 3/1 NK, quận NQ, thành phố Hải Phòng) vận chuyển 0,5 kg thuốc phiện từ Hải Dương về Hải Phòng.

Ngày 25/6/1994, tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Phạm Quang T, thu giữ 01 cân đồng hồ và 05 túi nilon bên trong đựng nhiều viên màu nâu đen, khô.

Tại phiếu phan tích số 114 ngày 11/7/1994 của Trạm kiểm nghiệm dược phẩm Sở Y tế Hải Phòng kết luận: 0,5kg cao màu nâu đen thu giữ của Phạm Quang T, Nguyễn Thị L có phản ứng của thuốc phiện và có hàm lượng Morphine 9,11% (tính theo Morphine khan).

Tại phiếu phân tích số 115 ngày 11/7/1994 của Trạm kiểm nghiệm dược phẩm Sở y tế Hải Phòng kết luận: Những viên màu nâu đựng trong 05 túi nilon thu tại nhà Phạm Quang T có phản ứng của thuốc phiện.

Tại Cơ quan điều tra, xét hỏi, Phạm Quang T khai: Cuối năm 1993, T biết Bùi Hữu T1, sinh năm 1966, ĐKNKTT: Thôn ĐH, xã HL, huyện TH, tỉnh Hải Dương thông qua Nguyễn Văn Tuấn (anh vợ T). Vào ngày 2/6/1994, T gặp T1 tại Hải Phòng, biết T1 là người buôn bán thuốc phiện nên T hỏi mua thuốc phiện của T1. T1 hẹn T lên nhà T1 và cho địa chỉ, vẽ sơ đồ nhà T1 cho T. Đến khoảng 13 giờ ngày 24/6/1994, T rủ vợ là Nguyễn Thị L đến nhà Nguyễn Văn T2 (anh trai của L) ở địa chỉ: Số 167 TĐT, thành phố Hải Phòng để mượn xe máy với mục đích lên nhà T1 mua thuốc phiện. Sau đó, T chở L đi đến khu vực cầu LV, tỉnh Hải Dương và hỏi đường đến nhà T1. Khi đi, T mang theo 2.500.000 đồng, L mang theo 400.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T và L tìm được đến nhà T1, L đứng ở góc sân phía cổng trông xe, T đi vào nhà gặp mẹ của T1 và các cháu nhỏ. T hỏi mẹ T1 thì được mẹ T1 cho biết T1 đi vắng không có nhà, còn vợ của T1 vừa đi ra khỏi nhà. Sau đó, mẹ T1 đi tìm vợ T1 về. Khoảng 20 phút sau thì vợ của T1 về nhà, T và vợ T1 vào trong nhà nói chuyện. T giới thiệu tên và nói với vợ T1 về việc T1 hẹn T đến nhà để bán thuốc phiện cho T. Vợ T1 nói nhà không có thuốc phiện, T nhờ vợ T1 đi lấy hộ. Vợ T1 đồng ý và đi lấy thuốc phiện cho T. Khoảng 30 phút sau, vợ T1 mang gói thuốc phiện trọng lượng khoảng 0,5 kg về bán cho T, T nhận gói thuốc phiện và trả vợ T1 1.450.000 đồng. Sau đó, T đi ra xe và đưa gói thuốc phiện cho L cầm rồi điều khiển xe mô tô chở L và gói thuốc phiện trên về đến QT, thành phố Hải Phòng thì bị lực lượng công an bắt giữ như trên.

Xét hỏi Nguyễn Thị L khai nhận phù hợp với lời khai của Phạm Quang T, L khai: Khi vào nhà T1, L đứng ở sân, một mình T vào nhà tìm T1 nhưng T1 không có nhà, một lúc sau thấy có một người phụ nữ về nhà. T và người phụ nữ trên nói chuyện một lúc thì người phụ nữ trên đi khỏi nhà. T ra nói với L: "Vợ anh T1 về rồi, T1 không có nhà, nhờ vợ anh T1 đi lấy hộ vài lạng thuốc phiện". Khoảng 30 phút người phụ nữ trên quay lại trên tay cầm 01 gói thuốc phiện bọc trong túi nilon tiếp tục nói chuyện với T và đưa cho T gói thuốc phiện nêu trên, T cầm gói thuốc

phiện đi ra chỗ L rồi đưa gói thuốc phiện cho L cầm. Khi T và L về đến QT, thành phố Hải Phòng thì bị bắt quả tang cùng tang vật nêu trên.

Cơ quan điều tra yêu cầu T mô tả và vẽ sơ đồ đường đến nhà T1, T đã vẽ được. Ngày 26/6/1994, tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Bùi Hữu T1, kết quả không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Cơ quan điều tra tiến hành xác minh lai lịch và xác minh tại địa chỉ trên có Bùi Hữu T1, sinh năm 1966 và vợ T1 là Nguyễn Thị S (tức X), sinh năm 1966.

Ngày 24/8/1994, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hải Phòng tiến hành cho Phạm Quang T nhận dạng ảnh đối với Bùi Hữu T1, Nguyễn Thị S (tức X). Kết quả: T nhận dạng được ảnh T1 nhưng không nhận dạng được ảnh S (tức X).

Ngày 25/8/1994, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hải Phòng tiến hành cho Nguyễn Thị L nhận dạng ảnh vợ T1 là Nguyễn Thị S (tức X), sinh năm 1968, ĐKNKTT: Thôn ĐH, xã HL, huyện TH, tỉnh Hải Dương qua ảnh. Kết quả: L không nhận dạng được ảnh S (tức X).

Ngày 27/8/1994, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hải Phòng tiến hành cho Nguyễn Thị L nhận dạng lại Nguyễn Thị S (tức X) qua ảnh. Kết quả: L nhận dạng được ảnh S.

Lý giải về việc lần đầu L không nhận được ảnh của S (tức X) nhưng lần thứ hai L lại nhận được ảnh của S, L khai: Do người trong ảnh trông béo hơn, trẻ hơn và cặp kiểu tóc khác so với người L đã gặp nên lúc đầu L không nhận ra S. Sau đó, L nhớ lại được, khi được Cơ quan điều tra cho nhận dạng lại, L đã nhận ra ảnh của S.

Ngày 25/6/1994, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hải Phòng ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với Phạm Quang T, Nguyễn Thị L về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại Điều 96a Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 1989.

Ngày 15/9/1994, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hải Phòng ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị S (tức X) về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại Điều 96a Bộ luật Hình sự sửa đổi năm 1989 và ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Nguyễn Thị S.

Do Nguyễn Thị S bỏ trốn, ngày 19/9/1994, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng ra Lệnh truy nã số 106 và ra Bản kết luận điều tra vụ án số 255 đề nghị truy tố đối với Phạm Quang T và Nguyễn Thị L về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Điều 96a Bộ luật Hình sự 1989.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 362 ngày 16/12/1994 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt Phạm Quang T 06 năm tù, Nguyễn Thị L 04 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 775 ngày 17/6/1995 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao xử phạt Phạm Quang T 04 năm tù, Nguyễn Thị L 02 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Ngày 01/12/2018, Nguyễn Thị S (tức X) bị bắt theo Lệnh truy nã. Đối chiếu giữa Quyết định khởi tố bị can và Lệnh truy nã với nhân thân đối tượng bị bắt giữ thấy:

Tại Quyết định khởi tố bị can và Quyết định truy nã ghi tên tuổi đối tượng là Nguyễn Thị X, sinh năm 1968, địa chỉ: Thôn ĐH, xã HL, huyện NT, tỉnh Hải Dương. Đối tượng bị bắt truy nã khai tên là Nguyễn Thị S, ngoài tên S còn có tên là X, sinh năm 1966, ĐKTT: Thôn ĐH, xã HL, huyện NT, tỉnh Hải Dương (nay là huyện TH, tỉnh Hải Dương) có chồng là Bùi Hữu T1 và giao nộp 01 Chứng minh nhân dân số 142699063 mang tên Nguyễn Thị S, sinh năm 1966 do Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 02/7/2010.

Xác minh tại địa phương, tiến hành giám định đường vân và giám định chữ viết đối với Nguyễn Thị S, xác định: Nguyễn Thị X, sinh năm 1968 với Nguyễn Thị S, sinh năm 1966 (bị bắt theo Lệnh truy nã số 106 ngày 29/9/1994 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hải Phòng) là cùng một người.

Tại Cơ quan điều tra xét hỏi, ban đầu Nguyễn Thị S khai S không bỏ trốn mà đi làm ăn xa, không biết bản thân bị truy nã, S không liên quan gì đến việc mua bán trái phép chất ma túy.

Sau đó, S khai: Vào chiều ngày 26/4/1994, S đang ở nhà thì Bùi Hữu T3 (là em chồng), sinh năm 1969, ĐKNKTT: Thôn ĐH, xã HL, huyện TH, tỉnh Hải Dương đến nói với S: Khi nào có một người đàn ông mang 01 bao dứa trong có chứa thuốc phiện đến thì nhận hộ và mang đến nhà cho T3. Một lúc sau, có một người đàn ông (S không quen biết) mang một bao dứa đến đưa cho S. S biết bên trong chứa thuốc phiện, ước lượng khoảng 0,5 kg, S mang số thuốc phiện trên đến nhà T3 đưa cho T3. Khoảng 2 ngày sau, khi đi làm về nhà, nghe người nhà nói Cơ quan công an vừa khám nhà vợ chồng S vì có liên quan đến việc bán ma túy cho 02 vợ chồng người ở Hải Phòng. Do sợ có liên quan nên S bỏ trốn. S không thừa nhận hành vi bán thuốc phiện cho T như lời khai của T và L.

Tiếp tục ghi lời khai của Phạm Quang T và Nguyễn Thị L, T và L vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai về việc mua ma túy của S như tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án trước đây.

Tại bản Cáo trạng số 55/CT-VKS-P1 ngày 25 tháng 4 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Nguyễn Thị S (tức X) về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 96a Bộ luật Hình sự 1989.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu.

Bị cáo trình bày: Bị cáo chỉ biết có một người đàn ông không biết tên đưa cho bị cáo một bao dứa, sau đó, bị cáo bán cho người đàn ông khác cũng không biết tên. Vì thời gian đã lâu, bị cáo không nhớ cụ thể nhưng có 01 người đàn ông nhờ bị cáo bán hộ thuốc phiện. Sau đó, có người đàn ông khác đến hỏi mua, bị cáo đã giao túi đựng cám bên trong có 0,5 kg thuốc phiện. Bị cáo nhớ có việc họ đưa tiền 1.450.000 đồng nhưng không nhớ lấy tiền như thế nào. Ngày hôm sau, bị cáo thấy có Công an đến khám nhà nên sợ bỏ trốn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 96a Bộ luật Hình sự 1989; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt: Nguyễn Thị S: Từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù. Miễn phạt tiền bị cáo.

Bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên và nói lời sau cùng : Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- *Về tội danh:*

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị S khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Bị cáo thừa nhận việc bán ma túy cho vợ chồng Phạm Quang T và Nguyễn Thị L.

[3] Tại lời khai ngày 03/12/2018 (BL 218 – 219), S có khai: "...Tôi có gặp một người đàn ông và một người đàn bà đứng đợi sẵn, tôi đưa túi thuốc phiện cho người đàn ông, xong tôi đi về luôn....Khi được bố mẹ chồng tôi báo cho biết việc Công AH Phòng đến khám xét nhà liên quan tới việc mua bán trái phép chất ma túy với hai người ở Hải Phòng. Tôi có nói lại với bố mẹ chồng tôi là tôi không mua bán, chỉ xách hộ túi thuốc phiện cho người đàn ông không quen biết". Phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa.

[4] Căn cứ vào lời khai của Phạm Quang T (BL 130 – 131): Tôi bảo vợ T1 là thấy T1 hẹn lên lấy thuốc phiện về để hút. Vợ T1 bảo là nhà không có. Tôi bảo xem có không lấy cho anh mấy lạng về để hút. Vợ T1 bảo để em đi lấy hộ, nói rồi, vợ T1 đi bộ đi đâu không rõ khoảng hơn 30 phút. Vợ T1 về có cầm gói thuốc phiện đưa cho tôi...(lời khai ngày 04/7/1994 – trước khi bị xét xử).

[5] BL 151 – 152 T khai: Do thời gian đã lâu, tôi chỉ nhớ vào ngày 24/6/1994, tôi đi xe máy chờ vợ tôi là L đi từ Hải Phòng đến Hải Dương tìm hỏi đến nhà anh T1 để mua thuốc phiện. Khi đến nhà T1 thì chỉ gặp mẹ của T1, nhờ mẹ T1 gọi vợ T1 về. Khi chị X về tôi mua thuốc phiện 0,5 kg với giá 1.450.000 đồng. Khi đó, vợ tôi đứng ngoài trông xe (lời khai ngày 06/12/2018 – sau khi bắt được Nguyễn Thị S)

[6] Căn cứ vào lời khai của Nguyễn Thị L (BL 171 – 172): "...Chúng tôi ngồi ở sân trông xe máy 1 lúc thấy con của T1 chạy đi tìm vợ T1 làm ở ngoài đồng, sau đó, vợ T1 về nhà. Lúc này tôi vẫn ở ngoài sân. Vợ T1 vào nhà cùng anh T nói chuyện ở trong nhà. Sau đó, tôi thấy vợ T1 đi ra khỏi nhà, anh T đi ra bảo tôi đợi 1 tý nhà T1 hết hàng phải đi lấy ở nơi khác. Vợ T1 đi khoảng 1 tiếng thì về, chồng tôi vào nhà cũng vợ anh T1 trao đổi những gì tôi không nắm được. Khoảng 20 phút sau, anh T đi ra cầm bọc ni lon ra đưa cho tôi cầm ngồi sau..." (lời khai 21/7/1994 – trước khi bị cáo L bị xét xử)

[7] BL 193 – 194 L khai: "Anh T chở tôi đến nhà anh T1 (nhà gần cầu LV, thuộc huyện TH, Hải Dương) để mua thuốc phiện. Khi đến nhà anh T1, tôi chỉ nhớ có mẹ anh T1 và mấy đứa trẻ ở nhà. Tôi và anh T ở sân đợi để mua thuốc phiện thì một lúc sau anh T bảo tôi đợi ở bên ngoài để vào nhà gặp ở anh T1 mua thuốc phiện. Mua xong chồng tôi đi ra chỗ tôi đợi ngoài sân cầm theo gói thuốc phiện rồi chở tôi về..." (lời khai ngày 21/12/2018 – sau khi bắt được Nguyễn Thị S).

[8] Lời khai của T và L trước và sau khi bị xét xử đều cơ bản không thay đổi, đều thể hiện T và L có gặp vợ T1 (là bị cáo S), T có trực tiếp trao đổi việc mua bán ma túy với S. Ngoài ra, căn cứ vào việc T mô tả và vẽ được sơ đồ đường đến nhà T1 theo yêu cầu của Cơ quan điều tra. L nhận dạng được Nguyễn Thị S (tức X) qua ảnh – nhận dạng lần 2.

[9] Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Tối ngày 24/6/1994, Phạm Quang T cùng vợ là Nguyễn Thị L đến nhà của Nguyễn Thị S (vợ của Bùi Hữu T1) tại thôn ĐH, xã HL, huyện TH, tỉnh Hải Dương để hỏi mua ma túy. T và L có gặp S và được S bán cho 0,5kg thuốc phiện với giá 1.450.000 đồng. T và L mang số thuốc phiện trên về đến khu vực QT, Hải Phòng thì bị bắt quả tang.

Do vậy hành vi của Nguyễn Thị S phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Điều 96a Bộ luật Hình sự 1989 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[10] Tính chất vụ án là nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, mặt khác, ma túy vẫn đang là hiểm họa của toàn cầu, là nguyên nhân phát sinh nhiều tội phạm khác nên cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự

- *Về tình tiết định khung hình phạt:*

[11] Số ma túy bị cáo S bán cho vợ chồng T, L là 0,5 kg thuốc phiện. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 775/HSPT ngày 17/6/1995, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao đã xét xử các bị cáo Phạm Quang T Nguyễn Thị L đều về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 96a Bộ luật Hình sự 1989. Bị cáo S không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên bị xét xử theo khoản 1 Điều 96a Bộ luật Hình sự 1989.

- *Về vai trò và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

[12] Bị cáo S là người bán ma túy cho Phạm Quang T và Nguyễn Thị L, các bị cáo đều đồng phạm với nhau về tội mua bán trái phép chất ma túy. Trong đó, bị cáo T là người khởi xướng, hỏi và nhờ bị cáo S đi lấy hộ ma túy để mua; bị cáo L không tham gia trao đổi, thỏa thuận mua bán giữa T và S do đó, bị cáo S có vai trò thấp hơn bị cáo T nhưng cao hơn bị cáo L. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 775/HSPT ngày 17/6/1995, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao đã xử phạt bị cáo Phạm Quang T 04 năm tù, bị cáo Nguyễn Thị L 02 năm tù đều về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

[13] Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Bị cáo có điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên miễn phạt tiền.

- *Về án phí và quyền kháng cáo*:

[14] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 96a Bộ luật Hình sự 1989; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt: Nguyễn Thị S (tức X): 03 (Ba) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, trừ cho bị cáo các ngày bị tạm giữ (từ ngày 01/12/2018 đến ngày 07/12/2018).

Miễn phạt tiền đối với bị cáo. Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo để đảm bảo việc thi hành án. Thời hạn Cấm đi khỏi

nơi cư trú đối với bị cáo không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1 – TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thiệm